TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN G,** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS-ST
Ngày: 24-11-2022
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN G, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Trúc Loan;

2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng– Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông P, sinh năm: 1956, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . (có mặt)

2. Bị đơn: Ông HTN, sinh năm: 1971, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông N: Ông Nguyễn Phú V, sinh năm: 1981, cư trú: Khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn C, huyện Cần G, tỉnh L . (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020) (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hứa Văn T, sinh năm: 1961, cư trú: Ấp Bình Trung 1, xã Bình Hòa Trung, huyện M, tỉnh L. (vắng mặt)

2. Ông HVN, sinh năm: 1967, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L (vắng mặt)

3. Bà HTN, sinh năm: 1968, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . (có mặt)

4. Bà HTH, sinh năm: 1974, cư trú: Ấp Nam, xã Đông Thạnh, huyện Cần G, tỉnh L . (có mặt)

5. Bà HTK, sinh năm: 1959, cư trú: Ấp Long Ninh, xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh L. (có mặt)

6. Bà CTN, sinh năm: 1971, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . (vắng mặt)

7. Anh HTT, sinh năm: 1980, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . (có mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1981, cư trú: Ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2020, và lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông P trình bày:

Cha ông là ông HVM, sinh năm: 1931 (chết năm 2014) và mẹ ông là bà TTU, sinh năm: 1931 (chết năm 2021). Trước khi chung sống với nhau, ông M, bà U không có con riêng. Ông P không biết cha mẹ có đăng ký kết hôn hay không. Cha mẹ có 08 người con gồm HVP, Hứa Văn T, HVN, HTN!, HTN, HTH và HTK và ông Hứa Văn Thành, sinh năm: 1953 (đã chết trước Ông M trong chiến tranh, ông Thành không có con). Cha mẹ của ông M, bà U đã chết.

Trước khi chết, ông M, bà U có tạo lập các tài sản, trong đó có thửa đất số 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . Ông M, bà U trực tiếp quản lý canh tác sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông M chết không để lại di chúc. Trước khi Ông M chết đã tặng cho ông Hứa ThAnh T (Anh T là cháu nội Ông M) vào khoảng năm 2009.

Hiện tại, ông HVM do ông Hứa Văn T thờ cúng; bà TTU do Ông HTN thờ cúng do bà U1 vẫn còn tang.

Quá trình sử dụng: Khi Ông M còn sống thì Ông M trồng lúa, sau đó có trồng lá dừa, về sau khi Ông M chết thì không ai trực tiếp quản lý sử dụng. Ông Hứa Thành Tâm và Ông HTN chưa trực tiếp quản lý sử dụng phần đất tranh chấp. Theo ý kiến của Ông P, Ông HTN san lấp trái phép trên thửa đất 518, Ủy ban nhân dân xã LP có vô kiểm tra hai lần, sau đó Tòa án ra quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời nên Ông N không san lấp nữa. Hiện từ khi ông HVM chết, phần đất này đang bỏ trống, không ai quản lý.

Các anh em trong gia đình thống nhất ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 18/12/2015, để Ông N đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất 01 và 03, tờ bản đồ số 4, đất tại xã LP. Hai thửa đất này nằm ở phía sau liền kề với thửa 518 đang tranh chấp, do Ông HTN quản lý.

Tại đơn khởi kiện, Ông P yêu cầu chia di sản thừa kế thửa đất số 518, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 08 phần bằng nhau, gồm Hứa Văn Phận, Trần Thị Út, Hứa Văn T, Hứa Văn Ngọc, Hứa Thị Nhớ, Hứa Thị Hường, Hứa Thị Khen, Hứa Thanh Nhàn. Ông P yêu cầu nhận hiện vật.

Ngày 26/02/2021, bà TTU chết không để lại di chúc. Qua đo đạc thực tế, Ông P yêu cầu chia di sản thừa kế của Ông P và bà TTU là thửa đất số 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 07 phần bằng nhau, gồm Hứa Văn Phận, Hứa Văn T, Hứa Văn Ngọc, Hứa Thị Nhớ, Hứa Thị Hường, Hứa Thanh Nhàn, Hứa Thị Khen. Ông P yêu cầu nhận hiện vật.

Bị đơn Ông HTN có người đại diện theo ủy quyền là Ông Nguyễn Phú V trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông HTN thống nhất về hàng thừa kế của ông HVM và bà TTU và thửa đất 518 là di sản như Ông P trình bày. Trước khi chết, ông M, bà U không có để lại di chúc. Thửa đất 518 hiện tại do Ông N đang quản lý từ khi ông M, bà U chết. Ông N có tiến hành san lấp đất thành nền, nhưng do đất tranh chấp nên Ủy ban nhân dân xã LP tiến hành lập biên bản tạm đình chỉ. Ông Hứa Thành Tâm không có quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 518. Phần đất tranh chấp là do Ông M và Ông N khiếu nại mới có được.

Khi ông M, bà U chết thì Ông N lo hậu sự và hiện tại Ông N đang thờ cúng.

Năm 2021, Ông P yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L . Qua yêu cầu khởi kiện của Ông P, Ông N không đồng ý với lý do, sau khi Ông P khởi kiện thì mẹ của Ông N là bà TTU có văn bản gửi Tòa án cho phần tài sản của bà U1 có trong thửa 518 cho Ông N. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông P, Ông N yêu cầu Tòa án cho Ông N nhận đất và chia thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại, chỉ đồng ý chia cho các anh em, mỗi người 1/14 giá trị. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông P, Ông N yêu cầu Tòa án buộc người nhận đất trả lại Ông N chi phí san lấp là 31.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Phú V thay đổi ý kiến: Ông cho rằng không có căn cứ nào chứng minh thửa đất 518 là di sản của Ông P và bà TTU để lại. Mà phần đất này do Ông HTN đi khiếu nại mà có được, người ta giao trả miệng cho Ông N, chứ không có giấy tờ chứng minh. Ông N đề nghị Tòa án xác định thửa đất 518 là của Ông N. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông P, Ông N yêu cầu Tòa án buộc người nhận đất trả lại Ông N chi phí san lấp là 31.500.000 đồng. Ông Vinh trình bày Ông N là chủ sử dụng thửa đất số 3 và thửa đất số 1, bị vây bọc bên trong, tiếp giáp liền kề với thửa đất 518 đang tranh chấp nên Ông N yêu cầu nhận đất. Lối đi hiện tại đi từ thửa số 1 và số 3 ra đường Tây Phú là lối đi vòng qua nhiều thửa đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh HTT trình bày:

Anh T là con ruột Ông P, là cháu nội của ông HVM và bà TTU. Khi ông M, bà U còn sống, Anh T là người chăm sóc, gần gũi, chở ông bà nội đi khám chữa bệnh. Ông M, bà U có tạo lập tài sản trong đó có thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Tây Phú, xã LP chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi Ông M chết, Ông M tặng cho thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Tây Phú, xã LP cho hai vợ chồng Anh HTT và Chị Nguyễn Thị Hồng T, vào khoảng năm 2009. Việc cho không có giấy tờ. Khi Anh T tiến hành làm thủ tục giấy tờ để được cấp giấy, thì Ông N không đưa bản chính giấy chứng minh nhân dân của Ông N. Ông N có nói với Anh T: *ông nội chia phần đất khoảng hơn 5m chiều ngang, sẽ chia đôi, Ông N và ông Tâm, mỗi người một nửa. Nhưng ông Tâm không đồng ý*. Anh T xác định anh chưa trực tiếp quản lý phần đất tranh chấp.

Hiện tại, Ông P là ba ruột Anh T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 07 phần bằng nhau, thì Anh T hoàn toàn thống nhất việc Ông P cùng những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M, bà U yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Riêng việc ông M, bà U tặng cho đất vợ chồng anh thì sự việc này Anh T và Ông P sẽ tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng Thúy trình bày: Bà là vợ của ông Hứa Thành Tâm. Bà thống nhất với ý kiến Anh T, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà HTN, Bà HTK, Bà HTH thống nhất trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Các bà thống nhất về hàng thừa kế của Ông M và bà U1 và thửa đất 518 là di sản như Ông P trình bày. Các bà chưa được ông M, bà U cho đất khi còn sống.

Khi Ông M còn sống thì Ông M trồng lúa, sau đó có trồng lá dừa trên thửa đất 518, về sau khi Ông M chết thì không ai trực tiếp quản lý sử dụng. Ông Hứa Thành Tâm và Ông HTN chưa trực tiếp quản lý sử dụng phần đất tranh chấp.

Các bà xác định văn bản có tiêu đề bản tự khai ghi của bà TTU gửi Tòa án cho phần tài sản của bà U1 có trong thửa 518 tặng cho Ông HTN là không đúng sự thật.

Các anh em trong gia đình thống nhất ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 18/12/2015, để Ông N đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất 01 và 03, tờ bản đồ số 4, đất tại xã LP. Hai thửa đất này nằm ở phía sau liền kề với thửa 518 đang tranh chấp, do Ông HTN quản lý. Hiện tại, ông HVM do ông Hứa Văn T thờ cúng; bà TTU do Ông HTN thờ cúng do bà U1 vẫn còn tang.

Quá trình giải quyết vụ án, Bà N, Bà H, Bà K yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, đất tại ấp

Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 07 phần bằng nhau, gồm Hứa Thanh Nhàn, Hứa Thị Nhớ, Hứa Văn T, Hứa Văn Ngọc, Hứa Thị Hường và Hứa Thị Khen, Hứa Văn Phận. Các bà yêu cầu nhận tiền đối với kỷ phần của mình.

Tại phiên tòa, các bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 07 phần bằng nhau, gồm Hứa Thanh Nhàn, Hứa Thị Nhớ, Hứa Văn T, Hứa Văn Ngọc, Hứa Thị Hường và Hứa Thị Khen, Hứa Văn Phận. Các bà yêu cầu nhận đất đối với kỷ phần của mình. Lý do các bà thay đổi là muốn xin nhận đất để cho lại ông Hứa Thành Tâm, chứ các bà không có nhu cầu trực tiếp sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông HVN trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông N thống nhất về hàng thừa kế của Ông M và bà U1 và thửa đất 518 là di sản như Ông P trình bày. Khi còn sống, ông M, bà U có tạo lập tài sản, thì đã chia cho 04 người con trai rồi, không chia cho con gái. Cụ thể, phần đất có diện tích khoảng 5000m^2 chia cho Ông P và ông T, mỗi người ½ diện tích; phần diện tích 5000m^2 khác thì cho Ông N được quyền sử dụng 1.500m^2. Còn lại diện tích 3.500m^2 thì Ông N hiện đang quản lý sử dụng, trong đó có một phần diện tích 2000m^2 đất lúa để lo hậu sự cho ông M, bà U; và 1.500m^2 tương đương với với diện tích Ông N được chia. Ngoài ra, trước khi chết, cha mẹ có cho chị gái Hứa Thị Nhớ một công nhỏ là 625m^2 để làm, nhưng Bà N chỉ canh tác được vài năm. Do điều kiện công việc nên Bà N giao lại cho Ông N, hiện Ông N đang quản lý, sử dụng.

Thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Tây Phú, xã LP cũng là di sản của ông M, bà U, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước khi Ông M chết, Ông N có nghe nói là Ông M tặng cho ông Hứa ThAnh T (Anh T là cháu nội Ông M) vào khoảng năm 2009, việc cho không có giấy tờ. Hiện tại, ông T thờ cúng ông HVM; bà U1, bà nội của ông là Trần Thị B1 và cúng hương hỏa do Ông N thờ cúng.

Cách đây khoảng 03 năm, khi bà U1 vẫn còn sống, các anh em trong nhà có thỏa thuận và đến Ủy ban nhân dân xã LP ký văn bản thỏa thuận với nội dung các anh em thống nhất chia cho 03 người con gái của ông M, bà U, mỗi người là 500m^2 đất lúa, Ông N sẽ được hưởng phần đất đê thuộc thửa 518, tờ bản đồ số 4. Tuy nhiên, phía Ông N không thực hiện theo thỏa thuận nên các bên tranh chấp. Hiện Ông N đang quản lý thửa đất 518, phía sau thửa đất 518 kéo thẳng ra sông Cần Giuộc thì Ông N cũng quản lý phần đất này, khoảng 2000m^2 đất lá, hiện đã san lấp.

Ông HVN yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 07 phần bằng nhau, gồm Ông HTN, Bà HTN, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTH, Bà HTK, Ông P. Ông N yêu cầu nhận tiền đối với kỷ phần của mình.

Ông HVN yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông T thống nhất về hàng thừa kế của Ông M và bà U1 và thửa đất 518 là di sản như Ông P trình bày. Khi còn sống, ông M, bà U có tạo lập tài sản, thì đã chia cho 04 người con trai rồi, không chia cho con gái. Cụ thể, phần đất hương hỏa có diện tích khoảng 5000m^2 chia cho Ông P và ông T, mỗi người ½ diện tích; phần diện tích 5000m^2 khác thì cho Ông N được quyền sử dụng 1.500m^2. Còn lại diện tích 3.500m^2 thì Ông N hiện đang quản lý sử dụng, trong đó có một phần diện tích 2000m^2 đất lúa để lo hậu sự cho ông M, bà U; và 1.500m^2 tương đương với với diện tích Ông N được chia. Ngoài ra, trước khi chết, cha mẹ có cho Bà HTN một công nhỏ là 625m^2 để làm, nhưng Bà N chỉ canh tác được vài năm. Do điều kiện công việc nên Bà N giao lại, hiện Ông N đang quản lý, sử dụng

Thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tại ấp Tây Phú, xã LP cũng là di sản của ông M, bà U, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước khi Ông M chết, ông T có nghe nói là Ông M tặng cho ông Hứa ThAnh T (Anh T là cháu nội Ông M) vào khoảng năm 2009, việc cho không có giấy tờ. Hiện tại, ông T thờ cúng ông HVM; bà U1, bà nội của ông là Trần Thị B1và cúng hương hỏa do Ông N thờ cúng.

Hiện Ông HTN đang quản lý thửa đất 518, phía sau thửa đất 518 kéo thẳng ra sông Cần Giuộc là thửa đất số 03, thửa số 01 do Ông N quản lý phần đất này, hiện Ông N đã san lấp.

Ông Hứa Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, đất tại ấp Tây Phú, xã L, huyện Cần G, tỉnh L chia làm 07 phần bằng nhau, gồm Ông HTN, Bà HTN, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTH, Bà HTK, Ông P. Ông T yêu cầu nhận tiền đối với kỷ phần của mình.

Ông Hứa Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà CTN trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Chi phí san lấp thửa đất 518 là tài sản chung của vợ chồng bà và Ông HTN. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Xác định thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L , diện tích qua đo đạc là 187m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L là di sản của ông HVM và bà TTU.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK đối với Ông HTN liên quan đến thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L .

Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN được chia giá trị tương ứng với diện tích 26.7m^2 thuộc thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L . Giao Ông HTN quản lý đất, Ông N có trách nhiệm thanh toán giá trị các kỷ phần cho người thừa kế theo pháp luật của ông HVM và bà TTU.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn; phần đất tranh chấp tọa lạc tại xã LP, huyện Cần G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần G theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà CTN, bà Nguyễn Thị Hồng Th yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Bà HTN, Bà HTK, Bà HTH thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể các bà yêu cầu chia kỷ phần di sản là nhận đất, chứ không phải yêu cầu nhận tiền như đơn yêu cầu độc lập trước đây. Việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu ban đầu nên Hội đồng xét xử tiến hành xem xét.

[1.4] Đại diện theo ủy quyền của Ông HTN cho rằng vào ngày 02/01/2021, bà TTU có trình bày ý kiến tại văn bản tiêu đề "Bản tự khai" với nội dung: *tặng cho Hứa Thanh Nhàn phần của bà U1 trong khối tài sản chung và kỷ phần của bà U1 được thừa kế từ ông HVM đối với thửa đất 518 vì Hứa Thanh Nhàn là con trai út, đang chăm sóc nuôi dưỡng tôi lúc tuổi già*. Văn bản này do Ông Nguyễn Phú V là đại diện theo ủy quyền của Ông HTN nộp ngày 21/10/2022. Tại phiên tòa, các người thừa kế khác của ông M, bà U đều không thừa nhận nội dung này, vì thời điểm này bà U1 sắp chết, không có căn cứ để chứng minh đó là sự tự nguyên của bà U1. Hội đồng xét xử tiến hành đánh giá tài liệu này. Ông Nguyễn Phú V nộp văn bản này khi bà TTU không có ủy quyền cho Ông Nguyễn Phú V nộp tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án; thời điểm ông Vinh nộp thì bà TTU đã chết nên Tòa án không thể ghi ý kiến để biết nội dung trong văn bản này có phải là ý chí của bà U1 hay không. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở đầy đủ để xác định văn bản tiêu đề "Bản tự khai" nêu trên có phải là ý kiến khách quan của bà TTU.

[1.5] Các đương sự đều thống nhất với Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần G duyệt ngày 11/8/2022 và kết

quả định giá do Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức lập ngày 24/8/2022 lập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Phú V cho rằng thửa đất 518 không phải là di sản của ông HVMvà bà TTU để lại. Mà phần đất này do Ông HTN đi khiếu nại mà có được, người ta giao trả miệng cho Ông N, chứ không có giấy tờ chứng minh. Lời trình bày này chỉ là ý kiến chủ quan của ông Vinh, không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.2] Ông HVM, sinh năm: 1931 (chết năm 2014) và bà TTU, sinh năm: 1931 (chết năm 2021). Trước khi chung sống với nhau, ông M, bà U không có con riêng. Ông M, bà U có 08 người con gồm Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Ông HTN, Bà HTH và Bà HTK và ông Hứa Văn Thành, sinh năm: 1953 (đã chết trước Ông M trong chiến tranh, ông Thành không có con). Cha mẹ của ông M, bà U đã chết.

[2.3] Ông M, bà U là hôn nhân hợp pháp. Tài sản là quyền sử dụng đất được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông, bà tại thời điểm các bên yêu cầu là thửa đất số 518, tờ bản đồ số 04, diện tích sau khi đo đạc thực tế là 187m^2. Theo kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân xã LP tại văn bản 957 ngày 26/9/2022 thì ông HVM quản lý sử dụng phần đất, *"Khi Ông M còn sống thì Ông M trồng lúa, sau đó có trồng lá dừa, về sau khi Ông M chết thì không ai trực tiếp quản lý sử dụng. Hiện các người thừa kế chưa trực tiếp quản lý sử dụng phần đất tranh chấp. Hiện tại phần đất này đang bỏ trống, không ai quản lý"*.

[2.3.1] Đối với di sản của Ông M chết năm 2014, bà U1 chết năm 2021 là thửa đất số 518, tờ bản đồ số 4, diện tích qua đo đạc thực tế là 187m^2, ông bà không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015. Người thừa kế của ông M, bà U gồm: Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN. Mỗi kỷ phần được hưởng là 26.7m^2. Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN, mỗi người được nhận 26.7m^2.

[2.3.2] Xét thấy diện tích được nhận có kích thước không đảm bảo được việc thuận tiện sử dụng đất và tách thửa đối với phần diện tích này nên Hội đồng xét xử giao cho một người thừa kế quản lý đất và những người thừa kế còn lại hưởng giá trị. Hội đồng xét xử cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh của những người thừa kế, thực trạng di sản để chia di sản cho phù hợp. Theo đó, các Ông P, Hứa Thanh Nhàn, Hứa Văn T, Hứa Văn Ngọc đều được cha mẹ chia đất, vị trí đất của Ông P, ông T, Ông N được hưởng đều có vị trí không gần thửa 518. Ông N được chia thửa đất số 03, số 01; hai thửa đất này bị vây bọc bởi thửa đất 518 và tiếp giáp liền kề phía sau thửa đất 518. Hiện Ông HTN đã san lấp một phần ở vị trí B với diện tích là 63m^2, chiều cao san lấp là 02m. Từ thửa đất số 01 và số 03 đi ra đường Tây Phú thì tiện lợi nhất là đi ngang qua thửa đất 518. Bà HTK, Bà HTN, Bà HTH chưa được cha mẹ chia đất trước khi chết. Điều này đều được các người thừa kế theo pháp luật của ông M, bà U thừa nhận trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa. Các bà yêu cầu để nhận kỷ phần là hiện vật, nhưng các bà

không có mục đích sử dụng thửa đất đang tranh chấp mà để cho lại Anh HTT. Trường hợp Hội đồng xét xử giao cho Bà K, Bà H, Bà N quản lý thửa 518 thì quá trình quản lý, sử dụng đất, có khả năng phát sinh một vụ kiện liên quan đến việc mở lối đi giữa Ông HTN và người quản lý đất. Để tiện cho việc quản lý sử dụng, sau khi xem xét điều kiện hoàn cảnh của những người hưởng thừa kế, Hội đồng xét xử giao Ông HTN phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 187m^2. Ông HTN có trách nhiệm hoàn trả giá trị cho Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, mỗi người là 26.7m^2 x 1.582.000 đồng = 42.239.400 đồng.

[2.4] Các đương sự Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Anh HTT thống nhất hiện không ai quản lý phần di sản thuộc thửa 518 do ông HVM và bà TTU sau khi chết để lại. Sự thừa nhận này phù hợp với văn bản phúc đáp của Ủy ban nhân dân xã LP nên Hội đồng xét xử không xem xét công sức đóng góp vào quản lý di sản.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hứa ThAnh T và Chị Nguyễn Thị Hồng T cho rằng phần đất có diện tích qua đo đạc là 187m^2 thuộc thửa đất 518, anh chị đã được ông bà nội là ông HVM và bà TTU tặng cho trước khi chết, việc tặng cho này là nói miệng, không có giấy tờ chứng minh. Hiện anh chị cũng chưa quản lý phần đất này. Trong vụ án này, anh chị thống nhất để Ông P khởi kiện yêu cầu chia di sản, anh chị không tranh chấp trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng, Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN, mỗi người phải chịu là 1.142.857 đồng. Ông P đã nộp tạm ứng, nên buộc ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN có trách nhiệm, mỗi người trả cho Ông P là 1.142.857 đồng.

[2.7] Nội dung của quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được giải quyết trong bản án của Tòa án. Do đó, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 40/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần G sẽ bị hủy bỏ kể từ ngày bản án đó của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Sau khi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 40/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/12/2020 bị hủy bỏ, Ông P nhận lại số tiền nộp bảo đảm là 10.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

[2.8] Về án phí: Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN, mỗi người phải chịu án phí là 2,111,970 đồng. Ông P, Bà HTK, ông Hứa Văn T được miễn án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK đối với Ông HTN về chia thừa kế liên quan đến thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L .

Xác định thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L , diện tích qua đo đạc là 187m^2, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L là di sản của ông HVM và bà TTU. Di sản của ông M, bà U được chia như sau:

Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN, mỗi người được chia giá trị tương ứng với diện tích 26.7m^2 thuộc thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L với số tiền là 42.239.400 đồng. Ông HTN có trách nhiệm chia cho Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, mỗi người số tiền 42.239.400 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Ông HTN được chia diện tích là tích 26.7m^2 và 160.3 m^2 tổng phần diện tích của Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, tổng cộng là 187 m^2 thuộc thửa đất 518, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại xã L, huyện Cần G, tỉnh L (Vị trí A, vị trí B theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần G duyệt ngày 11/8/2022).

Vị trí, tứ cận phần đất tranh chấp theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần G duyệt ngày 11/8/2022.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

3. Chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng, Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN, mỗi người phải chịu là 1.142.857 đồng. Ông P đã nộp tạm ứng, nên buộc ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Hứa Thanh Nh có trách nhiệm, mỗi người trả cho Ông P là 1.142.857 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 40/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần G trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ. Sau khi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 40/2020/QĐ-BPKCTT ngày 21/12/2020 bị hủy bỏ, Ông P nhận lại số tiền nộp bảo đảm là 10.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

5. Về án phí: Ông P, ông Hứa Văn T, Ông HVN, Bà HTN, Bà HTH, Bà HTK, Ông HTN, mỗi người phải chịu án phí là 2,111,970 đồng. Ông P, Bà HTK, ông Hứa Văn T được miễn án phí do là người cao tuổi.

Tạm ứng án phí Ông HTN đã nộp 787.500 đồng theo biên lai số 0011354 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G, chuyển sang án phí. Ông HTN phải nộp thêm án phí là 1.324.470 đồng.

Tạm ứng án phí Ông HVN đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004964 ngày 13/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G, Bà HTN đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004944 ngày 09/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G; Bà HTH dã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004945 ngày 09/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G, chuyển sang án phí. Bà HTN, Ông HVN, Bà HTH, mỗi người nộp thêm án phí là 1.811.970 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân